

LỜI MỞ ĐẦU

Quốc tịch là căn cứ để xác định mối quan hệ pháp lý hai chiều giữa một công dân và quốc gia, là cơ sở phát sinh quyền và nghĩa vụ của công dân với quốc gia mình mang quốc tịch. Vì một số lý do, một công dân có thể không mang quốc tịch của một quốc gia nào hay đồng thời có hai hay nhiều quốc tịch, điều này vừa có thuận lợi nhưng cũng gây ra một số vấn đề khó khăn cho cả hai phía công dân và quốc gia. Vậy tình trạng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch phát sinh bởi lý do gì, thực trạng đang diễn ra, hậu quả của nó ra sao và hướng giải quyết tình trạng này thế nào, đó là những nội dung mà bài viết dưới đây xin được đề cập tới.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Chương I : KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUỐC TỊCH, NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH, NGƯỜI HAI HAY NHIỀU QUỐC TỊCH.

1. Khái niệm quốc tịch :

Quốc tịch là một khái niệm ra đời vào thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến lên chủ nghĩa tư bản. Khái niệm này xuất hiện cùng với tư tưởng tiến bộ của cách mạng tư sản. Trong các xã hội khác nhau, thời kỳ lịch sử khác nhau, công dân sẽ có địa vị pháp lý khác nhau. Địa vị pháp lý đó được củng cố và hoàn thiện hơn qua từng giai đoạn phát triển của xã hội. Bởi vậy, thời điểm lịch sử thay đổi dẫn đến khái niệm về quốc tịch, pháp luật về quốc tịch thay đổi.

Từ phương diện pháp lý hiện đại, quốc tịch là mối quan hệ pháp lý hai chiều, được xác lập giữa cá nhân với một quốc gia nhất định, có nội dung là tổng thể các quyền và nghĩa vụ của người đó và quốc gia mà họ là công dân.¹

Từ khái niệm trên, quốc tịch có những đặc điểm cơ bản sau đây :

- Quốc tịch là một chế định cơ bản của Luật hiến pháp về địa vị pháp lý của công dân, là tiền đề pháp lý bắt buộc để một cá nhân có thể được hưởng các quyền và nghĩa vụ công dân của một Nhà nước.
- Quốc tịch thể hiện mối quan hệ có tính ổn định cao, bền vững về mặt thời gian. Mối quan hệ này không dễ dàng bị thay đổi mà chỉ có thể thay đổi trong những trường hợp đặc biệt, với những điều kiện hết sức khắt khe.
- Mối quan hệ giữa công dân và Nhà nước không bị giới hạn về mặt không gian. Khi là công dân của một Nhà nước nào, người đó phải chịu sự chi phối và tác động mọi mặt bởi chính quyền Nhà nước, dù người đó ở bất kỳ nơi nào.

Như vậy, giữa mỗi cá nhân và quốc gia đã có mối quan hệ pháp luật chặt chẽ với những đặc điểm :²

- + Tất yếu được xác lập bằng những cách thức khác nhau. Đối với từng cá nhân, đây là mối quan hệ pháp luật tồn tại một cách bền vững, ổn định và ràng buộc người đó với Nhà nước mà họ là công dân về quyền và nghĩa vụ mang tính hai chiều.
- + Đối với mỗi cá nhân, quốc tịch chỉ có ý nghĩa ràng buộc họ với nhà nước mà họ là công dân.
- + Quốc tịch vừa mang tính quốc tế, vừa là đối tượng điều chỉnh của luật trong nước. Đặc thù này của mối quan hệ quốc tịch xuất phát từ mối quan hệ biện chứng giữa quyền con người và quyền công dân của một cá nhân khi tồn tại trong đời sống xã hội.

¹ và ² Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Quốc tế, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009, tr 107.

2. Người hai hay nhiều quốc tịch :

Hai hay nhiều quốc tịch là tình trạng pháp lý của một người cùng một lúc mang quốc tịch của hai hay nhiều quốc gia khác nhau.²

Trong thực tiễn, người mang hai quốc tịch là nguyên nhân gây ra trở ngại trong việc các nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với công dân, đồng thời người hai quốc tịch cũng không có khả năng thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ công dân của họ đối với hai quốc gia mà họ mang quốc tịch. Hai hay nhiều quốc tịch là tình trạng pháp lý gây khó khăn cho thực hiện chủ quyền quốc gia đối với dân cư, thậm chí gây phức tạp cho quan hệ hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trong các vấn đề về dân cư.

3. Người không quốc tịch :

Đây là tình trạng pháp lý của một cá nhân không có quốc tịch của một nước nào.

Địa vị pháp lý của người không quốc tịch bị hạn chế nhiều so với công dân nước sở tại và người có quốc tịch nước ngoài. Họ không được hưởng các quyền mà các bộ phận khác của dân cư được hưởng trên cơ sở điều ước quốc tế giữa các quốc gia hữu quan. Họ cũng không được hưởng sự bảo hộ ngoài giao của bất kỳ nước nào.

Chương II : NGUYÊN NHÂN, THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH, NGƯỜI HAI HAY NHIỀU QUỐC TỊCH.

1. Nguyên nhân :

cuu duong than cong. com

2. Thực trạng :

- Đối với người mang nhiều quốc tịch

Thực tế quan hệ pháp luật quốc tế cho thấy một số nước vẫn cho phép công dân của nước họ có quyền mang nhiều quốc tịch.

² PTS Vũ Đức Long - Bộ Tư pháp, Công ước quốc tế về hạn chế tình trạng hai hay nhiều quốc tịch.

Luật quốc tịch Anh năm 1981 cho người mang nhiều quốc tịch tự lựa chọn cho mình một quốc tịch và từ chối các quốc tịch còn lại khác.

Nhằm hạn chế hoặc chấm dứt việc hưởng quốc tịch của các kiều dân nước mình sống ở nước ngoài thường xuyên, thậm chí đã mất hết mối liên hệ thực tế với tổ quốc mình, luật pháp của một số nước đã quy định rõ những thể hệ nhất định sống ở nước ngoài có thể cho con em mình được hưởng quốc tịch theo nguyên tắc "quyền huyết thống" và đồng thời quy định rõ từ thể hệ nào đó tiếp theo không được hưởng "quyền huyết thống" nữa và như vậy sẽ không được quyền mang quốc tịch của bố, mẹ nữa (Luật quốc tịch Thụy Điển 1950 sửa đổi bổ sung năm 1979, Luật quốc tịch Anh năm 1981...)

Luật Quốc tịch Ôxtrâyliya không bắt buộc người nước ngoài từ bỏ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Ôxtrâyliya. Trong trường hợp kết hôn, công dân Ôxtrâyliya có quyền mang cả hai quốc tịch.

Luật Quốc tịch Canada cũng có điểm tương đồng cơ bản nhất đó là cho phép công dân Canada có quốc tịch nước ngoài mà không bị mất quốc tịch Canada hoặc nhập quốc tịch Canada mà không phải thôi quốc tịch cũ của họ.

Theo nghiên cứu của một số nước thì việc có nhiều quốc tịch đem lại lợi ích thực tế cho bản thân như đảm bảo việc tìm kiếm việc làm hoặc lợi ích xã hội của từng cá nhân. Việc cho phép có hai quốc tịch có thể làm cho các cá nhân cảm thấy họ được gắn kết nhiều hơn vì họ có quan hệ chặt chẽ với nhiều quốc gia, họ thấy bản thân được tạo điều kiện hơn trong rất nhiều các lĩnh vực.

Tuy nhiên, vẫn đề có nhiều quốc tịch cũng được một số nhà lập pháp dự liệu có thể đem lại bất lợi cho công dân của nước họ trong việc xung đột pháp luật giữa các nước và khó khăn đối với Nhà nước trong quan hệ quốc tế như tranh chấp về bảo hộ ngoại giao.

- Đối với người mang hai quốc tịch :

Tình trạng hai quốc tịch cũng thường xảy ra trong các trường hợp xung đột pháp luật giữa các quốc gia trong việc áp dụng nguyên tắc quyền huyết thống và nguyên tắc quyền nơi sinh. Ví dụ: đứa trẻ mà bố mẹ là người nước ngoài được sinh ra ở một nước, mà ở đó lại áp dụng nguyên tắc quyền nơi sinh thì đứa trẻ sẽ mang quốc tịch nước nơi nó sinh nhưng nước mà bố mẹ đứa trẻ đó mang quốc tịch lại áp dụng nguyên tắc quyền huyết thống thì đương nhiên đứa trẻ còn mang quốc tịch theo cha mẹ của nó nữa. như vậy, đứa trẻ nghiễm nhiên mang hai quốc tịch. Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự nghiêm cấm

việc áp dụng nguyên tắc quyền nơi sinh đối với những đứa trẻ là con cái của nhân viên ngoại giao và nhân viên lãnh sự.

Hai quốc tịch cũng xảy ra ở trường hợp đứa trẻ sinh ra khi bố và mẹ của nó có quốc tịch khác nhau mà quốc gia của bố và mẹ đều áp dụng nguyên tắc quyền huyết thống, nếu đứa trẻ sinh ra lại ở nước thứ 3 mà ở đó áp dụng nguyên tắc quyền nơi sinh thì lẽ đương nhiên là đứa trẻ mang ba quốc tịch.

Hai quốc tịch cũng xuất hiện khi một phụ nữ lấy chồng là người nước ngoài, nếu luật của nước người phụ nữ đó không buộc phải thôi quốc tịch của nước mình, còn luật của nước người chồng lại quy định người vợ nghiêm nhiên được hưởng quốc tịch của nước người chồng.

Đôi khi vấn đề 2 quốc tịch cũng xảy ra trong trường hợp các quốc gia thi hành các chính sách nhà nước nhằm gây ảnh hưởng của mình ở các lãnh thổ khác với mục đích xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác. Ví dụ: Trong luật quốc tịch của nước mình, Ixraen và Cộng hoà Liên bang Đức không cấm công dân của mình mang thêm quốc tịch của các nước khác.

- Đối với người không quốc tịch:

Thực tế các quốc gia, các tổ chức quốc tế đã có những nỗ lực lớn trong hợp tác quốc tế nhằm hạn chế tình trạng không quốc tịch.

Khi người không quốc tịch tham gia vào quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, pháp luật các nước thường điều chỉnh theo pháp luật của nước mà họ cư trú vào thời điểm phát sinh quan hệ dân sự. Ví dụ, ở Cộng hoà Pháp quy định luật áp dụng đối với người không quốc tịch là luật của nước mà người đó cư trú. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú thì áp dụng pháp luật của Pháp

Hiện nay tình trạng người không quốc tịch vẫn xảy ra trong thực tiễn VD:Làng Kohspui bên bờ Bắc sông Sôr Thưng, thuộc huyện Piemcho tỉnh Prey Veng (Campuchia) có đông người Việt sinh sống nên làng còn có tên Mỹ Thiện. Phần lớn dân làng đều không có quốc tịch và hầu hết không được cấp quyền sử dụng đất, họ sống như ăn nhờ ở đậu. Những đứa trẻ ở làng Kohspui bao năm lặn lội qua sông theo học ở các ngôi trường bên Hồng Ngự thì cũng chỉ được học tới lớp 9, bởi không có hộ khẩu, không có khai sinh bên đất Việt nên không thể học tiếp lên cấp 3. Việc không có quốc tịch đã dẫn tới rất nhiều thiệt thòi cho những người này.

Ngoài ra khi các quốc gia kí kết với nhau các hiệp định quốc tế (song phương hoặc đa phương) cũng ghi nhận các quy định về trường hợp người không có quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch.

Chẳng hạn, Trường hợp công dân của một nước kí kết gia nhập quốc tịch của nước khác thì đương nhiên công dân đó thôi quốc tịch ban đầu (Hiệp định Anh, Thổ Nhĩ Kỳ, Hi Lạp năm 1960, Hiệp ước nhiều bên giữa các nước nằm trên bán đảo Scandinavi ...). Người mang nhiều quốc tịch có quyền từ chối quốc tịch mà mình cho là ít liên quan tới (Công ước châu Âu về vấn đề hạn chế và giảm các trường hợp nhiều quốc tịch năm 1963). Việc người phụ nữ kết hôn với công dân nước ngoài không làm ảnh hưởng hoặc làm thay đổi quốc tịch của họ (Công ước quốc tế về quốc tịch của phụ nữ khi lấy chồng năm 1957); Trước khi gia nhập quốc tịch của 1 nước là thành viên của điều ước phải có quyết định chấp thuận cho thôi quốc tịch của nước mà người đó là công dân trước đây và là thành viên của điều ước. (Hiệp ước giữa các nước trên bán đảo Scandinavi...)

Như vậy, trong quan hệ pháp luật quốc tế hiện nay, hiện tượng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch là một hiện tượng khá phổ biến. Ở mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ lại có những quy định khác nhau về các đối tượng này dẫn đến sự đa dạng trong cách tiếp cận vấn đề.

3. Giải pháp :

Tình trạng không quốc tịch, hai hay nhiều quốc tịch là một thực trạng khá phổ biến gây khó khăn và ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý và bảo vệ công dân của các quốc gia. Việc hạn chế và khắc phục tình trạng không quốc tịch, hai hay nhiều quốc tịch là vấn đề cần thiết của hầu khắp các nước trên thế giới. Hiện nay để giải quyết tình trạng xung đột quốc tịch giữa các quốc gia trong mối quan hệ quốc tế, các quốc gia đã kí kết một số Điều ước quốc tế đa phương và song phương như: Định ước cuối cùng của Hội nghị La Haye năm 1930, Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột quốc tịch, Công ước 1963 về việc giảm các trường hợp nhiều quốc tịch và nghĩa vụ quân sự trong trường hợp nhiều quốc tịch, Công ước Châu Âu năm 1997 về quốc tịch....có thể nói đây là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết xung đột quốc tịch giữa các quốc gia.

- Giải pháp quốc tế: Để hạn chế và ngăn ngừa các trở ngại do hiện tượng hai hay nhiều quốc tịch mang lại trong quan hệ hợp tác của mình các quốc gia đã kí kết các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương nhằm mục đích ngăn chặn, hạn chế và tiên tới loại bỏ các trường hợp không quốc tịch hai hay nhiều quốc tịch.

Đối với vấn đề người không quốc tịch : như đã phân tích nguyên nhân của tình trạng người không quốc tịch ở trên cho thấy: Hiện nay không quốc tịch là hiện tượng không được hoan nghênh trong quan hệ bang giao giữa các quốc gia bởi vì địa vị pháp lí của người không quốc tịch bị hạn chế so với công dân nước sở tại và không hoàn toàn nhận được sự bảo hộ ngoại giao từ bất cứ quốc gia nào. Chính vì vậy luật quốc tế cũng như luật quốc gia cần có sự nỗ lực trong việc ngăn chặn, hạn chế và loại bỏ hiện tượng không mong muốn này cụ thể là: Trong quan hệ quốc tế các quốc gia cần tăng cường tham gia kí kết điều ước quốc tế như Công ước về hạn chế tình trạng không quốc tịch năm 1961 đó là nước kí kết cho những người sinh ra trên lãnh thổ nước mình có thể bị rơi vào tình trạng không có quốc tịch được hưởng quốc tịch nước mình với những điều kiện cụ thể như độ tuổi, tình trạng cư trú...

Đối với vấn đề người hai hay nhiều quốc tịch : Đối với quan hệ quốc tế các quốc gia cần soạn thảo kí kết Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương để giải quyết vấn đề trên theo nguyên tắc hữu hiệu nơi cư trú thường xuyên Điều 5 Công ước La Haye 1930 hay nguyên tắc một quốc tịch trong pháp luật quốc gia. Hiện nay, theo nay theo các Điều ước quốc tế những người có hai hay nhiều quốc tịch có quyền tự do lựa chọn quốc tịch của một trong các nước tham gia Điều ước quốc tế mà mình có quốc tịch trong trường hợp không lựa chọn được quốc tịch thì họ được coi là công dân của nước nơi họ cư trú thường xuyên. Các quốc gia kí kết hiệp ước đa phương cần có những giải pháp cụ thể nhằm hạn chế tình trạng này. Ví dụ: công dân của một nước kí kết gia nhập quốc tịch của một nước kí kết khác thì đương nhiên công dân đó thôi quốc tịch ban đầu. Trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì sẽ mất quốc tịch ban đầu, con cái mang quốc tịch theo cha trong trường hợp vợ chồng không sống chung hoặc ly hôn. Ngoài các điều ước đa phương các quốc gia cũng cần kí các điều ước song phương về quốc tịch. Ví dụ: như Hiệp định Pháp – Bỉ năm 1949, Hiệp định Pháp- Italia năm 1953 và trong đó cần nhấn mạnh nội dung nếu công dân nước kí kết này gia nhập quốc tịch nước kí kết khác thì công dân đó sẽ mất quốc tịch gốc hoặc sẽ chỉ được lựa chọn một quốc tịch.

- Giải pháp đối với quốc gia: Đối với quốc gia đã kí kết thì phải có những quy định cụ thể nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các điều ước mà mình đã tham gia kí kết. Ví

dụ theo qui định tại Điều 2 luật quốc tịch Nhật Bản thì “đứa trẻ sinh ra tại Nhật Bản mà không rõ cha mẹ là ai hoặc không có quốc tịch” thì đứa trẻ có quốc tịch Nhật Bản. Mặt khác các quốc gia cần có những qui định mềm dẻo hơn trong việc ra nhập quốc tịch nhưng vẫn phải phù hợp với luật quốc tế tránh tình trạng nhập quốc tịch ồ ạt để trốn tránh trách nhiệm hình sự, nghĩa vụ của cá nhân đối với quốc gia là nơi cư trú thương xuyên nhưng họ chưa là công dân. Mặt khác quốc gia cần cụ thể hóa trong luật, đặc biệt là luật quốc tịch các giải pháp để giải quyết tình trạng hai quốc tịch. Bên cạnh mối quan hệ hợp tác các nước cần phải cân nhắc khả năng pháp lí để bảo hộ công dân trong trường hợp có xung đột về quốc tịch. Hơn nữa cần có những quy chế pháp lí đối với người hai hay nhiều quốc tịch tạo điều kiện thuận lợi cho người là công dân nước mình từ nước ngoài trở về sinh sống. Cụ thể là hiện nay các quốc gia trên thế giới sử dụng một số biện pháp giảm và hạn chế tình trạng hai hay nhiều quốc tịch. Cho người mang nhiều quốc tịch tự lựa chọn quốc tịch và từ chối các quốc tịch còn lại khác (luật quốc tịch Anh năm 1981), để hạn chế hưởng nhiều quốc tịch theo nguyên tắc quyền huyết thống những đứa trẻ có bố mẹ khác quốc tịch luật quốc tịch của nhiều quốc gia chỉ cho phép đứa trẻ hưởng quốc tịch của bố (luật quốc tịch Phần Lan 1968), hạn chế quốc tịch khi kết hôn các quốc gia cần ghi nhận nguyên tắc việc kết hôn với người nước ngoài không làm thay đổi quốc tịch của họ (Công ước quốc tế về quốc tịch củ phụ nữ khi lấy chồng năm 1957)

Như vậy: với các giải pháp nêu trên nhằm hạn chế tình trạng không quốc tịch hai hay nhiều quốc tịch giảm bớt tình trạng xung đột quốc tịch giữa các quốc gia và những trở ngại trong việc các nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với công dân đồng thời đảm bảo quyền con người cơ bản trong xã hội và đời sống quốc tế.

CHƯƠNG III : LIÊN HỆ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM.

1. Thực trạng vấn đề người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch tại Việt Nam :

Thực trạng quốc tịch của người Việt Nam định cư tại nước ngoài : Trong số hơn 3,4 triệu người Việt Nam ở nước ngoài hiện nay có khoảng 80% người Việt sống ở các nước công nghiệp phát triển và khoảng 70-80% số đó được nhập quốc tịch nước sở tại. Và ở một số nước, khi nhập quốc tịch pháp luật của nước đó không bắt buộc phải thôi quốc tịch Việt Nam dẫn đến một số lượng khá đông người Việt Nam định cư ở nước ngoài rơi vào tình trạng vừa có quốc tịch nước sở tại, vừa có quốc tịch Việt Nam.

Ngoài ra, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài này vẫn có một bộ phận chỉ có quốc tịch Việt Nam mà chưa được nhập quốc tịch nước sở tại. Số này chủ yếu sống ở Nga, các nước Đông Âu và những người ra đi hợp pháp đang định cư ở các nước phương Tây. Hầu hết họ đã được Việt Nam cấp đổi hộ chiếu trừ những người vượt biên hoặc ra đi bất hợp pháp. Những người này đã được nước sở tại cấp giấy chứng nhận quy chế ngoại kiều, giấy thông hành tỵ nạn ... Đến nay, một số người không có giấy tờ gì, sống bất hợp pháp hoặc rơi vào tình trạng không quốc tịch, nhất là ở Nga và các nước Đông Âu.

Thực trạng về người không quốc tịch ở Việt Nam : Trong thực tế hiện nay, số công dân nước ngoài, người không quốc tịch, người không rõ quốc tịch cư trú trên lãnh thổ Việt Nam là tương đối nhiều, việc giải quyết quốc tịch cho họ gặp rất nhiều khó khăn và trong nhiều trường hợp không thể giải quyết được. Ngoài ra, việc hoạch định lại biên giới giữa Việt Nam và các nước láng giềng trong những năm qua cũng dẫn đến hệ quả là một bộ phận khá lớn dân cư dọc biên giới tuy đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam nhưng chưa được nhập quốc tịch Việt Nam. Lý do là, phần lớn trong số họ không có giấy tờ tùy thân để xác định tình trạng quốc tịch, trình độ văn hoá rất thấp thậm chí không biết chữ, điều kiện kinh tế lại khó khăn. Thực trạng này không những làm cho cuộc sống của họ gặp nhiều khó khăn, mà còn làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp trong việc quản lý dân cư dọc biên giới.

2. Nguyên nhân của vấn đề người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch tại Việt Nam :

Cũng như tại các quốc gia khác, tình trạng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch tại Việt Nam diễn ra do một số nguyên nhân như : áp dụng nguyên tắc một quốc tịch một cách cứng nhắc, xác định quốc tịch theo huyết thống, ...

Tuy nhiên, cũng do một số nguyên nhân đặc thù trong quy định của pháp luật Việt Nam : nguyên tắc một quốc tịch quy định tại Điều 3 luật quốc tịch 1998 là cứng nhắc, bất cập so với yêu cầu hội nhập quốc tế, chưa thật phù hợp với nguyện vọng của kiều bào ta ở nước ngoài và thực sự khó khăn trong triển khai thực hiện trên thực tế ; chưa có cơ chế hữu hiệu, khả thi để thực hiện một chủ trương quan trọng là hạn chế tình trạng không quốc tịch ở nước ta ; cơ chế quản lý nhà nước về quốc tịch còn bất cập, hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao ; ...

3. Giải pháp của Việt Nam cho vấn đề người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch tại Việt Nam :

Luật Quốc tịch 1998 được thi hành trên thực tế trong suốt 10 năm qua và nguyên nhân trên của tình trạng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch tại Việt Nam một phần là do những hạn chế trong Luật quốc tịch 1998. Vì thế, khi xây dựng Luật quốc tịch 2008 (có hiệu lực 01/07/2009), Quốc hội đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế của luật Quốc tịch 1998 để điều chỉnh tình trạng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch :

- Luật Quốc tịch 2008 vẫn tiếp tục khẳng định nguyên tắc một quốc tịch của luật Quốc tịch 1998 nhưng có một số trường hợp ngoại lệ : “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác”. So sánh với “Nguyên tắc một quốc tịch” của Luật quốc tịch năm 1998, có thể thấy “Nguyên tắc quốc tịch” trong Luật quốc tịch năm 2008 có sự mềm dẻo hơn. Nếu như ở Luật năm 1998 có ghi rõ là “Nguyên tắc một quốc tịch” thì đến Luật năm 2008 đã bỏ từ “một”, chỉ còn là “Nguyên tắc quốc tịch”. Về mặt nội dung, ngoài nội dung đã quy định trong Luật năm 1998, Luật năm 2008 còn bổ sung thêm “trừ trường hợp Luật này có quy định khác”. Như vậy, Luật năm 1998 không quy định về các trường hợp ngoại lệ có thể có hai quốc tịch (mặc dù trên thực tế vẫn có nhiều trường hợp được mang hai quốc tịch) thì đến Luật năm 2008 đã quy định rõ các trường hợp này. Việc khẳng định một số ngoại lệ có thể có hai quốc tịch không có nghĩa là từ bỏ nguyên tắc một quốc tịch mà chỉ là sửa đổi nguyên tắc này cho mềm dẻo hơn, phù hợp với chính sách của Nhà nước ta về hội nhập quốc tế, đại đoàn kết dân tộc và chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Những trường hợp ngoại lệ có thể có hai quốc tịch là những trường hợp được Chủ tịch nước cho phép giữ quốc tịch nước ngoài khi được nhập quốc tịch Việt Nam (khoản 3 Điều 19), được trở lại quốc tịch Việt Nam (khoản 5 Điều 23); trường hợp quốc tịch của trẻ em là con nuôi (Điều 37) và trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã nhập quốc tịch nước ngoài nhưng vẫn có nguyện vọng giữ quốc tịch Việt Nam (khoản 2 Điều 13).

- Về việc xác định quốc tịch cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài : Luật năm 2008 quy định : “người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam và trong thời hạn năm năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, phải đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi người đó định cư để giữ

quốc tịch Việt Nam” (khoản 2 Điều 13). Như vậy, Nhà nước đã công nhận người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam. Đồng thời, đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, Nhà nước cũng có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người đã mất quốc tịch Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Tuy nhiên, Luật cũng quy định, trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 1/7/2009 – thời điểm Luật có hiệu lực – người chưa mất Quốc tịch Việt Nam phải đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để giữ quốc tịch Việt Nam, nếu không đăng ký, coi như mất quốc tịch Việt Nam.

Để giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, Luật quy định rõ: *“Vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được giải quyết theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì được giải quyết theo tập quán và thông lệ quốc tế”*.

- Để giải quyết vấn đề quốc tịch cho những người không quốc tịch đã cư trú ổn định, lâu dài trên lãnh thổ Việt Nam, Luật quy định “Người không quốc tịch mà không có đầy đủ các giấy tờ về nhân thân nhưng đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam từ hai mươi năm trở lên tính đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo trình tự, thủ tục và hồ sơ do Chính phủ quy định” (Điều 22).

Đối tượng để được áp dụng quy định này là người không quốc tịch mà không có đầy đủ các giấy tờ về nhân thân nhưng phải đáp ứng hai điều kiện: đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam từ hai mươi năm trở lên tính đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt nam.

Tình trạng người không quốc tịch, người không rõ quốc tịch nước nào đang thường trú trên lãnh thổ nước ta tương đối nhiều. Trải qua nhiều năm cư trú, làm ăn, sinh sống ổn định trên lãnh thổ nước ta, đến nay họ đã thực sự hoà nhập vào cộng đồng người Việt về mọi mặt đời sống. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, những người này cũng như con cháu của họ chưa được hưởng quy chế công dân Việt Nam, vì chưa được xác định có quốc tịch Việt Nam. Hầu hết họ là những người lao động, trình độ văn hoá thấp, không còn một giấy tờ tùy thân nào nên việc nhập quốc tịch cho họ theo thủ tục thông thường không thể thực hiện được. Nếu không giải quyết nhập quốc tịch

cho họ thì không chỉ gây khó khăn cho cuộc sống của họ mà còn rất phức tạp trong công tác quản lý của địa phương. Quy định tại Điều 22 là giải pháp để tháo gỡ vướng mắc này trong thực tế.

- Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 cũng đã dành nhiều điều, khoản quy định về quốc tịch của trẻ em như : trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam. Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thoả thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thoả thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam. Điều 17 của Luật cũng quy định, trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

Ngoài ra, LQTVN 2008 đã bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch như : trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam ; xin thôi quốc tịch Việt Nam ; xin trở lại quốc tịch Việt Nam ; tước quốc tịch Việt Nam ; hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam. Đồng thời, Luật này cũng đã luật hóa các quy trình với trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết hồ sơ tại từng cơ quan một cách rõ ràng.

KẾT LUẬN

Như vậy, tình trạng người không quốc tịch, người hai hay nhiều quốc tịch xuất hiện phổ biến ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tình trạng này gây ra những vấn đề phức tạp cho cả phía công dân và quốc gia. Hiện nay chỉ có thể tìm ra biện pháp hạn chế và khắc phục tình trạng này chứ không thể tuyệt đối xóa bỏ nó được, mà có khi còn phải công nhận nó. Với Việt Nam, cũng phải nhận thấy tác dụng của việc công nhận người hai quốc tịch. Điều đó vừa phù hợp với như cầu nguyện vọng của đông đảo kiều bào ta (là

nguồn lực đáng kể đang ngày càng góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước), và cũng phù hợp với bối cảnh hội nhập và vị thế của Việt Nam ngày nay. Vấn đề đặt ra chính là những chính sách phù hợp để quản lý tốt tình trạng hai quốc tịch, hạn chế những rắc rối phát sinh và khuyến khích những mặt lợi mà nó đem lại.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com